HB 5560

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN
VỀ VIỆC
MIỄN THỊ THỰC CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU PHỔ THÔNG

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan, sau đây gọi chung là "các Bên" hoặc gọi riêng là "mỗi Bên",

Với mong muốn thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước,

Tính đến Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan về việc đi lại của công dân hai nước, ký tại Astana vào ngày 15 tháng 9 năm 2009,

Nhằm mục đích tạo thuận lợi cho việc nhập cảnh của công dân hai nước vào lãnh thổ của nhau,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1. Công dân của một nước mang hộ chiếu phổ thông còn giá trị ít nhất 06 (sáu) tháng được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú trên lãnh thổ của nước kia trong thời gian không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhập cảnh, với điều kiện tổng số ngày cư trú không vượt quá 90 (chín mươi) ngày trong mỗi giai đoạn 180 (một trăm tám mươi) ngày.

2. Những người nêu tại Khoản 1 của Điều này có ý định cư trú trên 30 (ba mươi) ngày tại nước kia phải có thị thực phù hợp với pháp luật và quy định của nước đó.

Điều 2

Những người nêu tại Điều 1 của Hiệp định này chỉ được nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh qua lãnh thổ của nước kia qua các cửa khẩu quốc tế và phải tuân thủ pháp luật và quy định của nước đó liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và quá cảnh của nước kia.

Điều 3

Những người nêu tại Điều 1 của Hiệp định này có nghĩa vụ phải tuân thủ pháp luật và quy định của nước sở tại trong suốt thời gian cư trú trên lãnh thổ của nước đó.

Điều 4

Mỗi Bên có quyền từ chối cho nhập cảnh, rút ngắn thời hạn cư trú hoặc chấm dứt cư trú trên lãnh thổ mình đối với công dân của Bên kia bị coi là không được hoan nghênh, phù hợp với pháp luật và quy định của sở tại.

Điều 5

Thông qua đường ngoại giao, cơ quan có thẩm quyền của các Bên thông tin cho nhau về những thay đổi liên quan đến pháp luật và quy định liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài một cách sớm nhất.

Điều 6

Trường hợp những người nêu tại Điều 1 Hiệp định này bị mất hoặc bị hỏng hộ chiếu trong thời gian cư trú trên lãnh thổ của Bên kia, họ phải rời khỏi lãnh thổ của Bên còn lại bằng giấy tờ đi lại mới do cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước người đó mang quốc tịch cấp.

Các cá nhân liên quan được yêu cầu phải hoàn thành các thủ tục cần thiết để xuất cảnh, phù hợp với quy định của nước sở tại.

Điều 7

Trường hợp những người nêu tại Điều 1 Hiệp định này không thể rời lãnh thổ của Bên kia trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh vì lý do bất khả kháng thì họ phải làm thủ tục gia hạn cư trú phù hợp với pháp luật và quy định của nước sở tại.

Điều 8

1. Các Bên sẽ trao cho nhau qua đường ngoại giao các mẫu hộ chiếu phổ thông và giấy tờ đi lại nêu tại Điều 6 Hiệp định này không muộn hơn 30 (ba mươi) ngày sau ngày Hiệp định được ký kết.

2. Trong trường hợp ban hành các mẫu hộ chiếu phổ thông và giấy tờ đi lại mới hoặc có thay đổi đối với các mẫu hiện hành, các Bên sẽ ngay lập tức thông tin cho nhau và gửi mẫu hộ chiếu và giấy tờ đi lại đó qua đường ngoại giao, cũng như các thông tin liên quan đến việc áp dụng, không muộn hơn 30 (ba mươi) ngày trước khi chính thức ban hành hay thay đổi các mẫu này.

Điều 9

1. Mỗi Bên có quyền tạm đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hiệu lực của Hiệp định để bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, thông qua thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại qua đường ngoại giao. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi nhập được thông báo, hoặc sớm nhất có thể trong trường hợp khẩn cấp. Các Bên sẽ thống nhất ngày Hiệp định sẽ có hiệu lực trở lại tạm thời, một phần hoặc toàn bộ thông qua đường ngoại giao.

2. Việc đình chỉ Hiệp định phù hợp với Khoản 1 Điều này không ảnh hưởng đến quyền của các cá nhân nêu tại Điều 1 của Hiệp định đang cư trú trên lãnh thổ của Bên đình chỉ Hiệp định.

Điều 10

Bất cứ khác biệt hoặc tranh chấp nảy sinh trong quá trình giải thích và áp dụng các điều khoản của Hiệp định sẽ được giải quyết thông qua tham vấn và đàm phán giữa các Bên.

Điều 11

Bằng đồng thuận, hai Bên có thể sửa đổi hoặc bổ sung Hiệp định này bằng các Nghị định thư bổ sung. Các Nghị định thư này sẽ là một phần không tách rời của Hiệp định.

Điều 12

1. Hiệp định này được ký kết có giá trị vô thời hạn và có hiệu lực 30 (ba mươi) ngày sau ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên qua đường ngoại giao khẳng định việc đã hoàn tất thủ tục nội bộ cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định bằng thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản qua đường ngoại giao. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Bên còn lại nhận được thông báo đó.

Làm tại Hà Nội vào ngày 21/8/2023 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Ca-dắc-xtan và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có khác biệt, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN
Ông Bùi Thanh Sơn Bộ trưởng Ngoại giao	Ông Murat Nurtleu phó Thủ tướng Bộ trưởng Ngoại giao

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN

ON

VISA EXEMPTION FOR HOLDERS OF ORDINARY PASSPORTS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Kazakhstan, hereinafter referred to collectively as the "Parties" and individually as a "Party",

Willing to promote friendly relations between the States of the Parties,

Taking into account the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Kazakhstan on mutual trips of the citizens of both States signed at Astana on September 15th 2009,

In order to facilitate the entry of citizens of their States into the territories of the States of the Parties,

Have agreed as follows:

Article 1

1. Citizens of the State of one Party possessing valid ordinary passports with a minimum validity of 06 (six) months shall be exempt from visa requirements for entry, exit, transit, temporary stay in the territory of the State of the other Party for a period not exceeding 30 (thirty) calendar days from the date of entry, provided that their accumulated duration of stay shall not exceed 90 (ninety) calendar days within each period of 180 (one hundred and eighty) calendar days.

2. If the individuals referred to in paragraph 1 of this Article intend to stay in the territory of the State of the other Party longer than the 30-day period, they

must obtain an appropriate visa required in accordance with the laws and regulations of the State of this Party.

Article 2

The individuals referred to in Article 1 of this Agreement may enter and exit or transit through the territory of the State of the other Party only through the checkpoints open for international travel and must comply with the laws and regulations of that Party's State regarding entry, exit and transit.

Article 3

The individuals referred to in Article 1 of this Agreement have the obligation to observe laws and regulations of the State of the other Party during their stay in the latter's territory.

Article 4

Each Party reserves the right to refuse the entry of the citizens of the State of the other Party whom it may consider undesirable or to shorten or terminate their stay in the territory of its State, in accordance with its laws and regulations.

Article 5

Through diplomatic channels, the competent authorities of the Parties shall, at the earliest time as possible, inform each other of changes of their laws and regulations concerning the entry, exit and temporary stay of foreigners.

Article 6

The individuals referred to in Article 1 of this Agreement, in case of a loss or damage to valid ordinary passports during the stay in the territory of the State of the other Party, shall leave the territory of that Party's State on the basis of new valid travel documents issued to them by the diplomatic mission or consular posts of the State of their nationality.

The individuals concerned are required to complete necessary procedures for departure in accordance with the legislation of the State of the host Party.

Article 7

The individuals referred to in Article 1 of this Agreement who are unable to leave the territory of the State of the other Party within 30 (thirty) calendar days from the date of their entry due to force majeure circumstances are required to extend their stay in accordance with the laws and regulations of the State of the host Party.

Article 8

1. The Parties shall exchange the samples of their valid ordinary passports and travel documents mentioned in Article 6 of this Agreement through diplomatic channels no later than 30 (thirty) calendar days after the date of signing of this Agreement.

2. In case of introduction of new ordinary passports and travel documents, or changes to the existing ones, the Parties shall immediately inform each other accordingly and send the samples of such passports and travel documents through diplomatic channels, as well as information relating to their application, no later than 30 (thirty) calendar days prior to their official introduction or change.

Article 9

1. Each Party shall have the right to temporarily, partially or completely, suspend the effect of this Agreement in order to ensure national security, protect public order or public health by written notification to the other Party through the diplomatic channels. In such a case, the validity of this Agreement shall be suspended upon the expiration of 48 (forty-eight) hours from the receipt of such notification, or as soon as possible in case of emergency. The Parties shall agree on the date of temporary, full or partial resumption of this Agreement through diplomatic channels.

2. The suspension of this Agreement in accordance with paragraph 1 of this Article does not affect the rights of the individuals referred to in Article 1 of this Agreement staying in the territory of the State of the Party implementing the suspension of this Agreement.

Article 10

Any differences or disputes arising from the interpretation or application of the provisions of this Agreement shall be resolved through consultations or negotiations between the Parties.

Article 11

By mutual consent, the Parties may amend or supplement this Agreement by additional Protocols, which shall form as integral parts of this Agreement.

Article 12

1. This Agreement shall be concluded for an indefinite period and shall enter into force 30 (thirty) calendar days after the date of receipt by the Parties of the last written notification through diplomatic channels confirming the completion of their internal procedures required for its entry into force of this Agreement.

2. Each Party may terminate this Agreement by notifying the other Party in writing through diplomatic channels. In such a case, this Agreement shall be terminated after 90 (ninety) calendar days from the date of receipt of such notification of the other Party.

Done in Hanoi on 21/8/2023 in duplicate, each in the Vietnamese, Kazakh, and English with all texts being equally authentic. In case of divergence in the interpretation of this Agreement, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	**FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN**
H.E, Mr. Bui Thanh Son Minister of Foreign Affairs	H.E, Mr. Murat Nurtleu Deputy Prime Minister Minister of Foreign Affairs

Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі мен Қазақстан Республикасының Үкіметі арасындағы ұлттық паспорттардың иелерін визалық талаптардан босату туралы келісім

Бұдан әрі бірлесіп «Тараптар» және жеке-жеке «Тарап» деп аталатын Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі мен Қазақстан Республикасының Үкіметі

Тараптар мемлекеттері арасындағы достық қарым-қатынастарды дамытуға жәрдемдесуді қалай отырып,

2009 жылғы 15 қыркүйекте Астана қаласында жасалған Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі мен Қазақстан Республикасының Үкіметі арасындағы екі мемлекет азаматтарының өзара сапарлары туралы келісімді назарға ала отырып,

Тараптар мемлекеттерінің аумағына өз мемлекеттері азаматтарының келуін жеңілдету мақсатында

төмендегілер туралы келісті:

1-бап

1. Бір Тарап мемлекетінің азаматтары, қолданылу мерзімі кемінде 6 (алты) ай болуға тиіс жарамды ұлттық паспорттардың иелері екінші Тарап мемлекетінің аумағына келу, одан кету, транзитпен өту, уақытша болу үшін келген күннен бастап күнтізбелік 30 (отыз) күннен, күнтізбелік 180 (жүз сексен) күннің әрбір кезеңі ішінде жиынтығында күнтізбелік 90 (тоқсан) күннен аспайтын кезеңге визалық талаптардан босатылады.

2. Егер осы баптың 1-тармағында көрсетілген адамдар екінші Тарап мемлекетінің аумағында 30 күннен артық болуға ниет білдірсе, олар осы Тарап мемлекетінің заңнамасы мен қағидаларына сәйкес талап етілетін тиісті виза алуға тиіс.

2-бап

Осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген адамдар халықаралық жолаушылар қатынасына арналған екінші Тарап мемлекетінің өткізу пункттері арқылы ғана екінші Тарап мемлекетінің аумағы арқылы кіре алады, кете алады немесе транзитпен өте алады және осы Тарап мемлекетінің кіруге, кетуге және транзитпен өтуге қатысты заңнамасы мен қағидаларын сақтауға тиіс.

3-бап

Осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген адамдар өздері екінші Тарап мемлекетінің аумағында болған кезеңде соңғысының заңнамасы мен қағидаларын сақтауға міндетті.

4-бап

Әрбір Тарап өз мемлекетінің заңнамасы мен қағидаларына сәйкес өз аумағына кіргізуден бас тарту не онда болу мерзімін қысқарту құқығын өзіне қалдырады.

5-бап

Тараптардың құзыретті органдары шетелдіктердің келуіне, кетуіне және уақытша болуына қатысты өздерінің заңнамасы мен қағидаларындағы өзгерістер туралы бірін бірі мүмкіндігінше қысқа мерзім ішінде дипломатиялық арналар арқылы хабардар етуге тиіс.

6-бап

Осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген адамдар екінші Тарап мемлекетінің аумағында болған кезде жарамды ұлттық паспорттарын жоғалтып немесе бүлдіріп алған жағдайда өздері азаматтары болып табылатын мемлекеттің дипломатиялық өкілдігі немесе консулдық мекемесі берген жаңа жарамды жол жүру құжаттарының негізінде осы мемлекеттің аумағынан кете алады.

Тиісті адамдар қабылдаушы Тарап мемлекетінің заңнамасына сәйкес кетуге қажетті рәсімдерден өтуге тиіс.

7-бап

Осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген, еңсерілмейтін күш мән-жайларына байланысты өздері келген күннен бастап күнтізбелік 30 (отыз) күн ішінде екінші Тарап мемлекетінің аумағынан шыға алмайтын адамдар қабылдаушы Тарап мемлекетінің заңнамасы мен қағидаларына сәйкес өздерінің болуын ұзартуға міндетті.

8-бап

1. Тараптар осы Келісімнің 6-бабында көрсетілген жарамды ұлттық паспорттардың және жол жүру құжаттарының үлгілерімен осы Келісімге қол қойған күннен кейін күнтізбелік 30 (отыз) күннен кешіктірмей дипломатиялық арналар арқылы алмасады.

2. Жаңа ұлттық паспорттар мен жол жүру құжаттары енгізілген немесе қолданыстағыларына өзгерістер енгізілген жағдайда Тараптар бұл туралы бірін бірі дереу хабардар етеді және осындай паспорттар мен жол жүру құжаттарының үлгілерін, сондай-ақ олардың қолданылуына қатысты ақпаратты олар ресми енгізілгенге немесе өзгертілгенге дейін күнтізбелік 30 (отыз) күннен кешіктірмей дипломатиялық арналар арқылы жібереді.

9-бап

1. Кез келген Тарап ұлттық қауіпсіздікті, қоғамдық тәртіпті немесе қоғамдық денсаулық сақтауды қамтамасыз ету ниетімен осы Келісімнің қолданылуын дипломатиялық арналар арқылы екінші Тарапты жазбаша нысанда хабардар ету жолымен уақытша, ішінара немесе толық тоқтата тұруға құқылы. Мұндай жағдайда осы Келісімнің қолданылуы осындай хабарлама алынған күннен бастап 48 (қырық сегіз) сағат өткеннен кейін немесе аса қажет болған жағдайда мүмкіндігінше тезірек тоқтатыла тұрады. Тараптар осы Келісімнің қолданылуының уақытша, толық немесе ішінара қалпына келтіру күнін дипломатиялық арналар арқылы келіседі.

2. Осы баптың 1-тармағына сәйкес осы Келісімнің қолданылуын тоқтата тұру осы Келісімнің қолданысын тоқтата тұруды жүзеге асыратын Тарап мемлекетінің аумағында жүрген, осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген адамдардың құқықтарын қозғамайды.

10-бап

Осы Келісімнің ережелерін түсіндіру немесе қолдану кезінде туындайтын кез келген келіспеушіліктер немесе даулар Тараптар арасындағы консультациялар немесе келіссөздер арқылы шешіледі.

11-бап

Тараптардың өзара келісуі бойынша осы Келісімге өзгерістер мен толықтырулар енгізілуі мүмкін, олар осы Келісімнің ажырамас бөлігі болып табылады және жекелеген хаттамалармен ресімделеді.

12-бап

1. Осы Келісім белгіленбеген мерзімге жасалады және оның күшіне енуі үшін қажетті мемелекетішілік рәсімдерді Тараптардың орындағаны туралы соңғы жазбаша хабарлама дипломатиялық арналар арқылы алынған күннен бастап күнтізбелік 30 (отыз) күн өткен соң күшіне енеді.

2. Тараптардың әрқайсысы екінші Тарапты дипломатиялық арналар арқылы жазбаша нысанда хабардар ете отырып, осы Келісімді бұза алады. Мұндай жағдайда осы Келісімнің қолданылуы екінші Тараптан осындай хабарлама алынған күннен бастап күнтізбелік 90 (тоқсан) күннен кейін тоқтатылады.

21 тамыз 2023 жыл, Ханой, Вьетнам қаласында әрқайсысы қазақ, вьетнам және ағылшын тілдерінде екі данада жасалды, бұл ретте барлық мәтіндердің күші бірдей. Осы Келісімнің мәтіндері арасында алшақтықтар туындаған жағдайда Тараптар ағылшын тіліндегі мәтінге жүгінеді.

Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі үшін

Буй Тхань Шон
Вьетнам Социалистік Республикасының
Сыртқы істер министрі

Қазақстан Республикасының Үкіметі үшін

Мұрат
Әбуғалиұлы Нұртілеу
ҚР Премьер-Министрінің орынбасары
- Сыртқы істер министрі